

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Tiến Hùng, ông Nguyễn Mạnh Huân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu P, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn 1, xã V, thành phố L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

Bị đơn: Anh Thái Trung H, sinh năm 1978; nơi ĐKKHKT: Xóm, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc, không rõ địa chỉ; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005, chị Trần Thị Thu P và anh Thái Trung H tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam ngày 27/10/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã từng làm đơn giải quyết ly hôn nhưng sau khi được gia đình khuyên giải, vì các con anh chị lại quay về với nhau

nhưng cuộc sống sau đó không hạnh phúc. Năm 2018, anh H đi lao động ở Hàn Quốc, chị P về nhà mẹ đẻ sinh sống; từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Chị đã nhiều lần liên lạc hỏi địa chỉ hiện nay của anh H ở Hàn Quốc nhưng anh H không cho chị biết và chặn liên lạc với chị; chị có hỏi bố mẹ của anh H về địa chỉ nơi anh H sinh sống ở Hàn Quốc nhưng ông bà cũng không biết. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng ly thân đã lâu nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Trung H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Thái Bình A, sinh ngày 03/12/2005 và cháu Thái Bảo N, sinh ngày 28/01/2012. Hiện hai cháu do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí.

Tại biên bản làm việc ngày 03/8/2022 giữa Tòa án và bà Bùi Thị M (là mẹ đẻ anh Thái Trung H), bà M cho biết: Anh Thái Trung H và chị Trần Thị Thu P đăng ký kết hôn ngày 27/10/2005 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị sinh được hai con là cháu Thái Bình A, sinh năm 2005 và cháu Thái Bảo N, sinh năm 2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn. Năm 2018, anh H đi lao động tại Hàn Quốc, chị P mang hai cháu về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị P làm đơn xin ly hôn anh H, gia đình không biết địa chỉ của anh H nên không cung cấp cho Tòa án được. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tiến hành công khai tài liệu chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được do vắng mặt đương sự.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thị Thu P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Thái Trung H và yêu cầu xin nuôi hai con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, vắng mặt phiên tòa lần 2 đề nghị Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu P và anh Thái Trung H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ly thân nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của UBND Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thu P và anh Thái Trung H. Về con chung: Giao chị Trần Thị Thu P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thái Bình A, sinh ngày 03/12/2005 và cháu Thái Bảo N, sinh ngày 28/01/2012; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Theo Công văn số 13563/QLXNC-P5 ngày 29/6/2022 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Thái Trung H xác định anh H xuất cảnh vào ngày 15/9/2018 qua cửa khẩu Nội Bài và hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Theo biên bản làm việc với UBND xã L và lời khai của bà Bùi Thị M (mẹ đẻ anh H) xác định hiện nay anh H đang ở Hàn Quốc nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết đơn ly hôn của chị Trần Thị Thu P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thông qua thân nhân của anh Thái Trung H là bà Bùi Thị M xác định anh H vẫn liên lạc với gia đình. Tòa án đã 02 lần giải thích pháp luật, yêu cầu bà M cung cấp địa chỉ của anh H nhưng bà M không thực hiện việc thông báo cho anh H biết để gửi lời khai về Tòa án và bà từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Do đó, xác định anh H cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho Tòa án. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu P kết hôn với anh Thái Trung H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 27/10/2005, quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị P là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn và được hai bên gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2018, anh H sang Hàn Quốc sinh sống làm việc, từ đó vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh H, Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được cần xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu P và anh Thái Trung H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Thái Bình A, sinh ngày 03/12/2005 và cháu Thái Bảo N, sinh ngày 28/01/2012. Xét thấy, hiện nay hai cháu đang do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống và việc học tập của các cháu đều ổn định. Cháu A, cháu N cùng có mong muốn được ở cùng mẹ. Chị P tự nguyện nuôi hai cháu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Bà M (mẹ anh H) đề nghị Tòa án giao hai cháu cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng vì anh H không ở Việt Nam nên không chăm sóc cho các cháu được. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Thái Bình A và cháu Thái Bảo N cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị P xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu P tự nguyện nộp toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu P và anh Thái Trung H.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị Thu P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thái Bình A, sinh ngày 03/12/2005 và cháu Thái Bảo N, sinh ngày 28/01/2012 cho đến khi các cháu đủ 18, lao động tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu P phải chịu 300.000đ. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA/2022/0001496 ngày 12/7/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Chi P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Bố, mẹ anh H;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Mai Hương

